

雙/三方合意接續聘僱證明書 (中越雙語版) AF-T21

申請範例

外國人、原雇主及新雇主三方合意 接續聘僱證明書(中越雙語版)
Giấy chứng nhận 3 bên đồng ý tiếp tục thuê lao động nước ngoài gồm: lao động nước ngoài nhà Chủ cũ và nhà Chủ mới

外國人及新雇主雙方合意 接續聘僱證明書(中越雙語版)
Giấy chứng nhận 2 bên đồng ý tiếp tục thuê lao động nước ngoài gồm: lao động nước ngoài và nhà Chủ mới

新雇主名稱 Tên nhà chủ mới		聯絡電話 Số ĐT liên lạc	
新雇主統一編號或身分證字號 Số doanh nghiệp hoặc số CMND của nhà Chủ mới		護照號碼 Số Hộ chiếu	
外國人姓名 Tên lao động			
原雇主名稱 Tên nhà Chủ cũ		聯絡電話 Số ĐT liên lạc	
原雇主統一編號或身分證字號 Số doanh nghiệp hoặc số CMND của nhà chủ cũ			

原雇主有下列情事之一(請擇一勾選),本人(外國人)自 年 月 日(接續聘僱起始日)起由新雇主接續聘僱,並自接續聘僱起始日負雇主責任、繳納就業安定費及依相關規定辦理:

Nhà Chủ cũ có 1 trong trường hợp sau (xin đánh dấu), bản thân Tôi(người lao động) kể từ ngày tháng năm do nhà Chủ mới tiếp tục thuê, và đồng ý tuân theo những điều quy định sau:

1. 被看護者 Người được chăm sóc: a. 死亡 qua đời b. 移民 di cư (不可申請遞補招募許可) (Không thể xin cấp giấy bổ xung tuyển dụng)

2. 原雇主 Chủ sử dụng a. 死亡 qua đời b. 移民 di cư (不可申請遞補招募許可) (Không thể xin cấp giấy bổ xung tuyển dụng)

3. 船舶被扣押、沉沒或修繕而無法繼續作業者。(不可申請遞補招募許可) (Không thể xin cấp giấy bổ xung tuyển dụng)
Tàu thuyền bị thu giữ, bị chìm hoặc tu sửa mà vẫn không thể tiếp tục làm việc.

4. 雇主關係、歇業或不依勞動契約給付工作報酬經終止勞動契約者。(不可申請遞補招募許可) (Không thể xin cấp giấy bổ xung tuyển dụng)
Nhà máy đóng cửa, ngưng sản xuất hoặc không đưa theo hợp đồng lao động trả lương cho lao động.

5. 其他不可歸責於受聘僱外國人之事由者。Va như nguyên do không liên quan đến trách nhiệm của lao động nước ngoài như: _____ (不可申請遞補招募許可) (Không thể xin cấp giấy bổ xung tuyển dụng)

6. 家庭外籍看護工經原雇主同意轉換雇主或工作。(可申請遞補招募許可)
Lao động giúp việc nước ngoài được sự đồng ý của chủ thuê chuyển đổi chủ mới hoặc thay đổi công việc.
(Có thể xin cấp giấy bổ xung tuyển dụng)

備註: 1. 勾選第 6 項外國人轉換理由, 原雇主可依就業服務法第 58 條第 2 項第 3 款規定向本部申請遞補招募許可。
2. 本證明書一式 5 份, 外國人、原雇主及新雇主各收執 1 份, 新雇主應於合意接續聘僱外國人之日起依規定通知當地主管機關實施檢查及向中央主管機關申請接續聘僱許可。
3. 原雇主所聘僱之外國人知逾期健檢, 或未辦理健檢, 或新雇主無法取得外國人之健檢資料者, 新雇主應自接續聘僱外國人之日起 7 日內, 安排承接之外國人至衛生福利部指定之醫院接受健康檢查。

家庭看護工專用欄
新雇主資格: 有效期限內之招募許可函 合格醫院開具 60 日內之診斷證明書
(本欄位請務必勾選, 並請檢附招募許可函、診斷證明書或身心障礙手冊影本, 俾憑認定)

新雇主 Tên nhà chủ mới: (簽章 ký tên và đóng dấu, 家庭類請簽名 Loa i giúp việc gia đình ký tên)
原雇主 Tên nhà chủ cũ: (簽章 ký tên và đóng dấu, 家庭類請簽名 Loa i giúp việc gia đình ký tên)
外國人 Người lao động: (簽名 ký tên)

- 請擇一勾選。
請依實際狀況辦理項目勾選。
- 請填寫雇主與外國人基本資料。(請填寫正楷)
- 請依實際情況勾選。
◆接續聘僱起始日請與勞工局通報證明書中的外國人接續日期相同。

◆若因死亡原因請勾選①或②。

◆若因被看護者轉安養機構等其他不可歸責之原因請勾選⑤, 則無法向勞動部申請遞補函。

◆若因雙方同意轉換雇主或工作請勾選⑥之後可向勞動部申請遞補函。

- 請依實際情況勾選。
適用家庭看護工類別, 請務必勾選。

- (家庭類)請雇主親簽; 外國人草簽。
(其他業別)雇主請蓋公司大小章; 外勞草簽+手印。
(外國人不可以只蓋手印, 必須親簽。)

◆若三方合意, 新雇主、舊雇主與外國人皆需簽名。
◆(三方合意)若文件有塗改處, 新舊雇主皆需蓋章。